

Số: 05/2022/QĐST-KDTM

T1, ngày 19 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2022/TLST- KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số xxx, TQK, Phường L, Quận H, thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Bá T3 - Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh T2 (*theo Giấy Ủy quyền số 660/UQ-VCB-PC ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ngân hàng N*).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thị H2 - Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch T1 - Ngân hàng N Chi nhánh T2 (*theo Giấy uỷ quyền số: 09/UQ-TBI-P.KH ngày 04/01/2022 của Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh T2*).

- *Bị đơn*: Ông Khương Anh Th, sinh năm 1952; bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1954, cùng có địa chỉ tại thôn ĐC, xã NC, huyện T1, tỉnh T2.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Tính đến ngày 08/9/2022, ông Khương Anh Th, bà Bùi Thị Đ còn nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc và nợ lãi như sau: Nợ gốc: 179.938.846 đồng. Lãi trong hạn: 8.874.139 đồng. Lãi quá hạn: 3.786.111 đồng. Tổng số tiền: 192.599.096 đồng.

Chậm nhất đến ngày 15/10/2022, ông Khương Anh Th và bà Bùi Thị Đ thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và toàn bộ các khoản phí, lệ phí, các khoản bồi hoàn, phát sinh cho Ngân hàng N theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 021/12/20/00366 ngày 08/9/2020 cho đến ngày ông Khương Anh Th và bà Bùi Thị Đ thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ.

Trường hợp ông Khương Anh Th và bà Bùi Thị Đ không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của ông Khương Anh Th và bà Bùi Thị Đ thế chấp tại Ngân hàng N có để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là:

Quyền sử dụng đất và nhà ở theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 021/12/18/00204 ngày 13/12/2018, gồm:

+ Quyền sử dụng đất: Thửa đất: 60-61, diện tích: 601 m², tờ bản đồ số: 03 đo đạc năm 1995, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số phát hành: H 747786; vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 187.QSĐĐ do UBND huyện T1, tỉnh T2 cấp ngày 08/04/1997 và trang bổ sung GCN Quyền sử dụng đất số 01 do Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện T1 cấp ngày 07/12/2018, có địa chỉ: Thôn ĐC, xã NC, huyện T1, tỉnh T2.

+ Nhà ở: Một ngôi nhà 01 tầng, tường gạch, kết cấu bê tông cốt thép, mái bằng, có diện tích sàn 75 m² được xây dựng trên thửa đất nêu trên.

2.2. Về án phí:

Ông Khương Anh Th và bà Bùi Thị Đ; Ngân hàng N mỗi bên chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là $(5\% \times 192.599.096 \text{ đồng}) : 2 : 2 = 2.407.500 \text{ đồng}$ (Hai triệu bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng).

Ngân hàng N đã nộp tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tại biên lai số 0002471 ngày 23/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2. Đối trừ, trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 2.592.500 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;

THẨM PHÁN

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T1;
- Chi cục THA Dân sự huyện T1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đồng Ngọc Huyền